HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51/KH-HĐND	*Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

KẾ HOẠCH

Giám sát tình hình triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác năm 2019, Chương trình số 143/CTr-HĐND ngày 25/12/2018 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Trà Vinh về giám sát năm 2019;

Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch giám sát tình hình triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá được việc triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội đột xuất, thường xuyên tại cộng đồng, hỗ trợ việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội thời gian qua.

Qua đó, đánh giá những ưu điểm, hạn chế bất cập; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc; tìm ra nguyên nhân để đề xuất, kiến nghị đến các cơ quan chức năng và cấp có thẩm quyền xem xét có những giải pháp tháo gỡ, chỉ đạo thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức hoạt động giám sát đảm bảo tiến độ thời gian theo kế hoạch, thực hiện nghiêm túc, khách quan, đánh giá đúng thực chất tình hình, đúng theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát, tránh hình thức, không hiệu quả.

Các đơn vị chịu sự giám sát phải chuẩn bị đầy đủ báo cáo theo nội dung đề cương và các điều kiện cần thiết theo yêu cầu kế hoạch của Đoàn giám sát, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo; nhằm giúp việc tổ chức giám sát hoàn thành hiệu quả tốt nhất.

II. NỘI DUNG, ĐƠN VỊ, HÌNH THỨC GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

Tình hình triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ (*theo Đề cương của Đoàn giám sát đính kèm*).

2. Đơn vị chịu sự giám sát

- Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần).

- Ủy ban nhân dân xã Long Đức (thành phố Trà Vinh).

- Uỷ ban nhân dân huyện Tiểu Cần.

- Uỷ ban nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Hình thức giám sát

Đoàn Giám sát tiến hành giám sát trực tiếp tại 05 đơn vị chịu sự giám sát; xem xét đặt vấn đề thêm và yêu cầu đơn vị giải trình làm rõ một số nội dung có liên quan.

III. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Giám sát tại UBND xã Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần) và UBND xã Long Đức (thành phố Trà Vinh)

- Đoàn giám sát theo Quyết định số 50 /QĐ-HĐND ngày 12 /4/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh.

- Lãnh đạo UBND xã và các bộ phận trực thuộc có liên quan *(do UBND xã mời).*

2. Giám sát tại UBND huyện Tiểu Cần và UBND thành phố Trà Vinh

- Đoàn giám sát theo Quyết định số 50 /QĐ-HĐND ngày 12 /4/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh.

- Lãnh đạo UBND huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc có liên quan *(do UBND huyện, thành phố mời).*

3. Giám sát tại Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

- Đoàn giám sát theo Quyết định số 50 /QĐ-HĐND ngày 12 /4/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh.

- Lãnh đạo Sở và các đơn vị trực thuộc có liên quan *(do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội mời).*

IV. THỜI GIAN TIẾN HÀNH

- Từ ngày **08/4** đến **12/4/2019**: ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch giám sát và đề cương xây dựng báo cáo ban hành cung cấp đến các thành viên Đoàn giám sát, cơ quan đơn vị chịu sự giám sát.

- Đến ngày **03/5/2019**, UBND xã Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần), UBND xã Long Đức (TPTV), UBND huyện Tiểu Cần, UBND thành phố Trà Vinh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi báo cáo bằng văn bản chính thức về Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và gửi file word qua email: nthly@travinh.gov.vn *(điện thoại liên hệ 02943.851.395 gặp đ/c Hồng Lý)* để nghiên cứu trước.

- Từ ngày **13/5** đến **17/5/2019**: Đoàn giám sát tiến hành làm việc trực tiếp tại các đơn vị chịu sự giám sát; thời gian cụ thể sẽ có thông báo, tùy tình hình thực tế Đoàn giám sát có thể điều chỉnh thời gian làm việc cho phù hợp.

- Từ ngày **23/5** đến **31/5/2019**: Đoàn giám sát báo cáo Ban Văn hóa- Xã hội kết quả giám sát, Ban Văn hóa- Xã hội tổ chức họp với các đơn vị chịu sự giám sát, các thành viên Đoàn giám sát để thống nhất báo cáo và sau đó hoàn chỉnh báo cáo gửi các đơn vị chịu sự giám sát, đồng thời báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát, xây dựng kế hoạch giám sát và đề cương để các đơn vị chịu sự giám sát xây dựng báo cáo; lãnh đạo Ban báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh về việc giám sát; các thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu các văn bản có liên quan và tham gia đóng góp ý kiến trước khi tiến hành giám sát.

2. Các đơn vị chịu sự giám sát căn cứ nội dung kế hoạch chuẩn bị báo cáo theo đề cương gửi kèm, các hồ sơ có liên quan, bố trí địa điểm, mời thành phần liên quan trong cơ quan, đơn vị tham gia buổi làm việc, thực hiện nghiêm túc yêu cầu và các kiến nghị của Đoàn trước và sau giám sát.

3. Văn phòng HĐND tỉnh phối hợp đảm bảo các điều kiện vật chất, hậu cần, cử công chức, người lao động phục vụ Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch giám sát tình hình triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thông báo đến các đơn vị, cá nhân liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực, các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND huyện Tiểu Cần;
- UBND thành phố Trà Vinh;
- UBND xã Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần);
- UBND xã Long Đức (thành phố Trà Vinh);
- BLĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN

Thạch Giàu

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình triển khai, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ

(Đính kèm Kế hoạch số 51 /KH-HĐND, ngày 12/4/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Về lĩnh vực kinh tế - xã hội

2. Khái quát về số lượng đối tượng thuộc diện trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ: tổng số đối tượng; phân ra từng loại đối tượng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện

1.1. Việc cụ thể ban hành các văn bản chỉ đạo, việc tổ chức triển khai văn bản ở các ngành, các cấp trong huyện.

1.2. Việc thành lập Hội đồng xét duyệt, đánh giá kết quả hoạt động.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội cho Hội đồng xét duyệt cấp xã, cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và người dân. *(số cuộc/số lần trong năm; số người dự).*

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát *(số cuộc/số lần trong năm).*

2. Kết quả thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

2.1. Số lượng đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (tổng số đối tượng; phân ra từng loại đối tượng).

2.2. Quy trình thẩm định và công tác lưu trữ hồ sơ đối tượng BTXH

- Cách thức, quy trình và thời gian tiến hành thẩm định hồ sơ đối tượng BTXH được thực hiện tại Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội trước khi trình UBND huyện thành phố ký quyết định cho hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

- Hình thức lưu trữ, quản lý hồ sơ đối tượng BTXH.

2.3. Trợ cấp xã hội hàng tháng

- Tổng số tiền.

- Số tiền chia theo từng đối tượng.

2.4. Cấp thẻ bảo hiểm y tế

- Tổng số đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT so với tổng số đối tượng BTXH đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng? tỷ lệ bao nhiêu? Số đối tượng BTXH còn lại không được cấp thẻ BHYT? Nêu cụ thể lý do?

- Công tác chỉ đạo cho công chức phụ trách lao động - thương binh và xã hội cấp xã và công tác phối hợp với cơ quan BHXH cùng cấp trong công tác rà soát, lập danh sách để in và cấp phát thẻ BHYT cho đối tượng BTXH.

2.5. Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

- Tổng số đối tượng được trợ giúp (chia ra từng loại đối tượng).

- Loại hình giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

2.6. Hỗ trợ chi phí mai táng

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ (chia ra từng loại đối tượng).

- Tổng số tiền.

- Số đối tượng chưa được hưởng (chia ra từng loại đối tượng, tỷ lệ, nguyên nhân).

3. Kết quả thực hiện trợ giúp xã hội đột xuất

3.1. Hỗ trợ lương thực (số người được hỗ trợ, số lượng gạo).

3.2. Hỗ trợ người bị thương nặng (số người, số tiền).

3.3. Hỗ trợ chi phí mai táng (số người, số tiền).

3.4. Hỗ trợ làm nhà ở, sữa chữa nhà ở (số người, số tiền).

3.5. Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác (số người, số tiền).

3.6. Hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất (số người, phương tiện, phương cụ hoặc số tiền).

4. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

4.1. Số đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng (tổng số, chia theo từng đối tượng).

4.2. Chế độ đối với đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

- Trợ cấp xã hội hàng tháng: Tổng số tiền; Số tiền chia theo từng đối tượng.

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế: Tổng số đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT so với tổng số đối tượng BTXH đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng? tỷ lệ bao nhiêu? Số đối tượng BTXH còn lại không được cấp thẻ BHYT? Nêu cụ thể lý do?

- Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Tổng số đối tượng được trợ giúp (chia ra từng loại đối tượng). Loại hình giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Hỗ trợ chi phí mai táng: Tổng số đối tượng được hỗ trợ (chia ra từng loại đối tượng); tổng số tiền. Số đối tượng chưa được hưởng (chia ra từng loại đối tượng, tỷ lệ, nguyên nhân).

4.3. Chế độ đối với hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

- Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng: số đối tượng; tổng số tiền.

- Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng: số lớp, số cuộc, số đối tượng.

4.4. Quy trình, thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH.

4.5. Điều kiện, trách nhiệm của người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH.

5. Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội

5.1. Số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội.

5.2. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội (số người, số tiền hoặc hiện vật).

5.3. Hỗ trợ giáo dục, đào tạo và tạo việc làm (số người, phương tiện, phương cụ hoặc số tiền).

6. Hình thức chi trả đối với từng nội dung hỗ trợ nêu trên.

7. Kết quả thực hiện các đề án, dự án khác có liên quan đến trợ giúp xã hội

7.1. Các đề án, dự án liên quan đến trợ giúp xã hội

7.2. Kết quả thực hiện của từng đề án, dự án

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt thuận lợi, làm được

2. Khó khăn, vướng mắc, bất cập, nguyên nhân

3. Giải pháp thực hiện tới

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

*** Mốc thời gian báo cáo:** từ ngày ***01/01/2014*** đến ngày ***01/05/2019***

Trong từng nội dung hỗ trợ đề nghị đánh giá rõ về việc thực hiện hỗ trợ có đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nội dung hỗ trợ theo quy định.